| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 87/2021/HS-ST
Ngày: 15-12-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Văn Quang Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/HSST-QĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị O, sinh năm 1969, tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); chồng tên Đinh Hoài S, sinh năm 1962; bị cáo có 03 người con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Phan Thị B, sinh năm 1972, tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú tại: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phan C1 (đã chết) và bà Đặng Thị Đ1 (đã chết); có chồng tên Nguyễn

C3, sinh năm 1968 (đã ly hôn); bị cáo có 03 người con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; tại: tỉnh Hưng Yên; hộ khẩu thường trú tại: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T1, sinh năm 1942; có chồng tên Mai Văn T3, sinh năm 1969; bị cáo có 02 người con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Huỳnh Tú A1, sinh năm 1989; tại: tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú tại: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn R1, sinh năm 1968 và bà Tạ Thanh B1, sinh năm 1969; có vợ tên Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1988; bị cáo có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

5. Đồng Thanh Th2, sinh năm 1997; tại: tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đồng Văn Th3, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Ánh T4, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

6. Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; tại: tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú tại: Ấp Y, xã U, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1938 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1945; vợ tên Lê Ngọc R1, sinh năm 1965; có 02 người con ruột (lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

7. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; tại: Campuchia; hộ khẩu thường trú tại: Ấp 6, xã I, huyện O, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th3 (đã chết); có chồng tên Nguyễn Văn Th4, sinh năm 1969; bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án: Bản án số 51/2014/HSST ngày 22/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng và phạt tiền (hình phạt

bổ sung) 3.000.000 đồng. Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bình Phước, bị cáo đã thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nhưng chưa thi hành tiền phạt 2.600.000 đồng; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

8. Đặng Thị Tuyết Ph, sinh năm 1988; tại: tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã S, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Ấp Y, xã U, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Đặng Xuân Ng, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1966; có chồng tên Phạm Văn Th5, sinh năm 1970, bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

9. Huỳnh Thị R1, sinh năm 1969; tại: tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn S1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị K (đã chết); chồng tên Bùi Xuân Ph1, sinh năm 1971 (đã ly hôn); có 02 người con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

10. Phạm Thị Q1, sinh năm 1979; tại: tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã U, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn H3 (đã chết) và bà Lê Thị Ư, sinh năm 1948; có chồng tên Đặng T4, sinh năm 1975, có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

11. Huỳnh Thị G, sinh năm 1958; tại: tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn S (đã chết) và bà Huỳnh Thị K (đã chết); chồng tên Hồ Văn L, sinh năm 1956, có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1984); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 18/5/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

12. Lê Ngọc R2, sinh năm 1965; tại: tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp Y, xã U, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Lê Quang G2 (đã chết) và bà Trương Ngọc Đ3 (đã chết); có chồng tên

Nguyễn Văn H2, sinh năm 1964, có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 18/5/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

13. Tạ Thanh B1, sinh năm 1969; tại: tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Tạ Văn Đ4, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949; chồng tên Huỳnh Văn R3, sinh năm 1968, có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

14. Bùi Xuân Ph1, sinh năm 1971; tại: tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Xuân T4 (đã chết) và bà Cao Thị Đ3, sinh năm 1931; vợ tên Huỳnh Thị R1, sinh năm 1969 (đã ly hôn), có 02 người con ruột (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1920); tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/5/2014 bị cáo bị Công an huyện B2, tỉnh Bình Dương xử phạt 5.000.000 đồng về hành vi hoạt động kinh doanh mà không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bị cáo nộp phạt xong ngày 29/5/2014). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Huỳnh Trí Tr, sinh năm 1993. HKTT: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Ngọc T5. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Minh Đ4. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/5/2021, tại nhà bà Trần Thị O, sinh năm 1969, thuộc ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương Công an xã B bắt quả 14 đối tượng đang tham gia đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức bài cào ba lá gồm: Trần Thị O, Phan Thị B, Bùi Xuân Ph1, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn H, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Phạm Thị Q1, Đồng Thanh Th2, Huỳnh Thị R1, Đặng Thị Tuyết Ph, Nguyễn Thị H2, Huỳnh Tú A1. Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc:

+ Số tiền: 14.800.000 đồng;

+ 01 chiếu kích thước 2 x 1.8 mét

+ 01 mền kích thước 2.2 x 1.6 mét

+ 03 bộ bài tây đã qua sử dụng (01 bộ 52 lá, 01 bộ 47 lá, 01 bộ 45 lá)

- Thu giữ trên người các đối tượng:

+ Trần Thị O: 400.000 đồng

+ Bùi Xuân Ph1: 920.000 đồng

+ Nguyễn Thị P: 1.000.000 đồng

+ Nguyễn Văn H: 9.300.000 đồng

+ Lê Ngọc R2: 400.000 đồng

+ Tạ Thanh B1: 1.800.000 đồng

+ Đồng Thanh Th2: 300.000 đồng

+ Nguyễn Thị H2: 2.860.000 đồng

+ Huỳnh Tú A1: 10.100.000 đồng

Tổng số tiền thu giữ của các con bạc là 27.080.000 đồng

Tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và của các con bạc là: 41.880.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 14/5/2021, Trần Thị O tổ chức đám giỗ tại nhà thuộc ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày sau khi đãi tiệc xong thì O lấy ra 03 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chiếu và 01 cái mền để đánh bạc. O tham gia đánh bài cào ba lá cùng với: Phan Thị B; Bùi Xuân Ph1; Huỳnh Thị G; Nguyễn Thị P; Nguyễn Văn H; Lê Ngọc R2; Tạ Thanh B1; Phạm Thị Q1; Đồng Thanh Th2; Huỳnh Thị R1; Đặng Thị Tuyết Ph; Nguyễn Thị H2; Huỳnh Tú A1; đối tượng tên Ph2 và đối tượng tên C (cả hai đối tượng đều không xác định được nhân thân, lai lịch). Cả nhóm đánh bạc làm cái xoay tua mỗi tụ từ 03 đến 05 ván. Sau đó, Phan Thị B và Nguyễn Thị P mỗi người bỏ số tiền 5.000.000 đồng hùn vào để tiền làm cái. B bỏ trước 5.000.000 đồng và đưa cho P cầm tiền. B trực tiếp làm cái, P cầm tiền và chung chi cho các con bạc. Trong lúc B và P làm cái thì B nhờ Bùi Xuân Ph1 chia bài giùm B khoảng 03 đến 04 ván. Hình thức đánh bạc như sau: Sử dụng bài tây 52 lá chia cho các tụ, mỗi tụ 03 lá, lần lượt xoay vòng, mỗi tụ làm cái từ 03 ván đến 05 ván, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, nhà cái đánh với nhà con. Sau

khi chia bài xong thì tính điểm như sau: Các lá A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mỗi lá có số điểm tương ứng với con số đó (trong đó lá A tính là 1 điểm); các lá J, Q, K mỗi lá tính 10 điểm. Điểm của người chơi trong mỗi ván là số lẻ của tổng điểm ba lá bài. Ví dụ: Tổng ba lá bài 27 điểm thì được 7 điểm (hay gọi là nút), 10 điểm thì được 0 điểm (gọi là bù). Trường hợp đặc biệt là tụ nào sở hữu được cả ba lá bài J, Q, K bất kỳ thì thắng ngay ván đó, không cần tính điểm của mỗi ván bài (gọi là ba cào hoặc ba tiên). Bài cào không quan tâm đến chất (cơ, rô, chuồn, bích) của mỗi lá bài. Bài tụ nào cao điểm hơn nhà cái thì thắng nhà cái và được nhà cái trả số tiền đặt cược; còn tụ nào thấp điểm hơn nhà cái thì thua và đưa số tiền đã đặt cược cho nhà cái.

Khi đánh bài, Trần Thị O sử dụng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc. O thua 800.000 đồng. Khi bắt quả tang Công an thu trên người O số tiền 400.000 đồng.

Phan Thị B và sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để làm cái. B thua 4.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng B để trên chiếu bạc và bị Công an thu giữ.

Nguyễn Thị P sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc. Khi làm cái xoay vòng, P thắng được số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, P và B thỏa thuận cùng nhau hùn số tiền 5.000.000 đồng để làm cái. B bỏ tiền trước nên P cất số tiền 7.500.000 đồng trong túi quần. B và P làm cái thua số tiền 4.000.000 đồng. P lấy số tiền 7.500.000 đồng trong túi quần bỏ trên chiếu bạc, còn 1.000.000 đồng P cầm trên tay và bị Công an thu giữ.

Huỳnh Tú A1 mang theo số tiền 10.500.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Tú A1 thua hết số tiền 400.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ trên người số tiền 10.100.000 đồng.

Đồng Thanh Th2 sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc. Th2 tham gia đánh bạc dưới hình thức cào 3 lá. Th2 làm cái 03 ván đầu. Sau đó B làm cái. Th2 thua số tiền 5.700.000 đồng. Khi bắt quả tang, thu giữ trên người Th2 số tiền 300.000 đồng.

Huỳnh Thị G sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền trên.

Nguyễn Văn H sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc. H thua 700.000 đồng. Khi bắt quả tang Công an thu số tiền 9.300.000 đồng.

Phạm Thị Q1 sử dụng số tiền 400.000 đồng để đánh bạc. Q1 thắng số tiền 200.000 đồng. Khi bắt quả tang Công an thu số tiền 600.000 đồng để trên chiếu bạc.

Nguyễn Thị H2 sử dụng số tiền 2.710.000 đồng để đánh bạc. H2 thắng số tiền 150.000 đồng. Khi bắt quả tang Công an thu giữ số tiền 2.860.000 đồng trên người H2.

Lê Ngọc R2 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. R2 thua hết số tiền 600.000 đồng, còn 400.000 đồng bị Công an thu giữ.

Đặng Thị Tuyết Ph sử dụng số tiền 1.450.000 đồng để đánh bạc. Ph đánh bạc thua hết số tiền trên.

Huỳnh Thị R1 sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. R1 tham gia đánh bạc thua hết số tiền trên.

Tạ Thanh B1 sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc. B1 tham gia đánh bạc 01 ván thua số tiền 50.000 đồng. Còn 50.000 đồng B1 bỏ trong túi về nhà. Sau khi về nhà, con gái của B1 đưa cho B1 số tiền 1.800.000 đồng để mua sữa cho cháu ngoại của B1. B1 tiếp tục sang nhà Trần Thị O để gọi Tú A1 về. Tại đây, B1 bị bắt quả tang và bị tạm giữ số tiền 1.800.000 đồng.

Bùi Xuân Ph2 chia dùm bài cho Phan Thị B khoảng 03 đến 05 ván. Ph2 mang theo số tiền 920.000 đồng, không sử dụng đánh bạc. Khi bắt quả tang Công an thu giữ trên người Ph2 số tiền 920.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Tạ Thanh B1 đã nộp thêm 50.000 đồng (số tiền sử dụng để đánh bạc).

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 39.210.000 đồng.

Tại phiên tòa, ngày 15 tháng 12 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn H nộp các chứng cứ mới chứng minh gia đình có người thân là người có công với cách mạng, các chứng cứ do bị cáo nộp là có giá trị chứng minh, đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 80/CT-VKSDT- HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt chính đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị O từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị B từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tú A1 từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thanh Th2 từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Tuyết Ph từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị R1 từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Q1 từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị G từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc R2 từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Thanh B1 từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Ph1 từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đối với đối tượng tên Ph2 và đối tượng tên C có hành vi Đánh bạc; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã thông báo truy tìm đối tượng. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của hai đối tượng nên chưa có căn cứ xử lý. Khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 cái chiếu kích thước (2 x 1.8)m; 01 cái mền kích thước (2.2 x 1.6) m và 03 bộ bài tây đã qua sử dụng (01 bộ 52 lá, 01 bộ 47 lá, 01 bộ 45 lá). Xét thấy, giá trị sử dụng không lớn nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền Việt Nam 39.210.000 đồng (gồm 39.160.000 đồng thu trên chiếu bạc và trên người các bị áo khi bắt quả tang; 50.000 đồng thu của bị cáo Tạ Thanh B1). Xét thấy, đây là số tiền sử dụng để đánh bạc nên đề nghị tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền 1.800.000 đồng thu giữ trên người Tạ Thanh B1 và 920.000 đồng thu giữ trên người Bùi Xuân Ph1. Do số tiền này Tạ Thanh B1 và Bùi Xuân Ph1 không sử dụng để đánh bạc nên đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Tạ Thanh B1 và bị cáo Bùi Xuân Ph1.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã tóm tắt và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên toà, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/5/2021, tại nhà Trần Thị O thuộc ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; Trần Thị O, Phan Thị B, Bùi Xuân Ph1, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn H, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Phạm Thị Q1, Đồng Thanh Th2, Huỳnh Thị R1, Đặng Thị Tuyết Ph, Nguyễn Thị H2, Huỳnh Tú A1, đối tượng tên Ph2 và đối tượng tên C (cả hai đối tượng đều không xác định được nhân thân, lai lịch) tham gia đánh bạc dưới hình thức cào ba lá thắng thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc là 39.210.000 đồng.

[3] Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 80/CT- VKSDT- HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng để nhận thức được đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội, chỉ vì ham lợi, mong muốn kiếm tiền nhanh không phải mất nhiều công sức lao động mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đánh bạc là một tệ nạn đang bị xã hội lên án, là một trong những nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi đánh bạc là trái pháp luật nhưng vì ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện. Do đó, cần phải có một mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

[5.1] Bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1 phạm tội lần đầu và thuộc tường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Phạm Thị Q1 có mẹ ruột là người có công với cách mạng (mẹ ruột tham gia lực lượng thanh niên xung phong); bị cáo Huỳnh Thị R1, Huỳnh

Thị G có cha ruột được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Văn H có cha mẹ ruột được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Đồng Thanh Th2 tình nguyện tham gia trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Bị cáo Trần Thị O, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2 có trình độ học vấn thấp. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Bị cáo H2 thành khẩn khai báo, trình độ học vấn thấp. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1] Các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Bị cáo Nguyễn Thị H2 tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Trước thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1 có nhân thân tốt. Bị cáo H2 có nhân thân xấu do có một tiền án.

[8] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, những người tham gia đánh bạc đều giữ vai trò thực hành.

[9] Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về an ninh trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[10] Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1 có nhân thân tốt; tại địa phương các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1

luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1 có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1 theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị H2 bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo H2.

[12] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[12.1] Đối với 01 cái chiếu kích thước (2 x 1.8)m; 01 cái mền kích thước (2.2 x 1.6) m và 03 bộ bài tây đã qua sử dụng (01 bộ 52 lá, 01 bộ 47 lá, 01 bộ 45 lá). Xét thấy, đây là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc, là vật chứng không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

[12.2] Đối với số tiền Việt Nam 39.210.000 đồng (gồm 39.160.000 đồng thu trên chiếu bạc và trên người các bị cáo khi bắt quả tang; 50.000 đồng thu của bị cáo Tạ Thanh B1). Đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[12.3] Đối với số tiền 1.800.000 đồng thu giữ trên người Tạ Thanh B1 và 920.000 đồng thu giữ trên người Bùi Xuân Ph1. Do số tiền này Tạ Thanh B1 và Bùi Xuân Ph1 không sử dụng để đánh bạc nên tuyên trả lại cho bị cáo Tạ Thanh B1 và bị cáo Bùi Xuân Ph1.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, căn cứ điều luật, xử lý vật chứng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt chính đối với bị cáo Trần Thị O và hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H2 là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị O 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tú A1 08 (tám) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Thanh Th2 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến 20/5/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Tuyết Ph 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị R1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo bị cáo Phạm Thị Q1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị G 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc R2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Thanh B1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Ph1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Trần Thị O, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Huỳnh Thị G, Tạ Thanh B1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phan Thị B cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Tuyết Ph, Phạm Thị Q1, Lê Ngọc R2 cho Ủy ban nhân dân xã U, huyện C, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Huỳnh Thị R1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Xuân Ph1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung:

Xử phạt các bị cáo Trần Thị O, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không nộp số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải nộp số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái chiếu kích thước (2 x 1.8)m; 01 cái mền kích thước (2.2 x 1.6) m và 03 bộ bài tây đã qua sử dụng (01 bộ 52 lá, 01 bộ 47 lá, 01 bộ 45 lá).

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 39.210.000 (ba mươi chín triệu hai trăm mười ngàn) đồng.

Trả lại 1.800.000 (một triệu tám trăm ngàn) đồng cho bị cáo Tạ Thanh B1.

Trả lại 920.000 (chín trăm hai mươi ngàn) đồng cho bị cáo Bùi Xuân Ph1.

*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/10/2021 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0004256 ngày 17/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Thị O, Phan Thị B, Nguyễn Thị P, Huỳnh Tú A1, Đồng Thanh Th2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị H2, Đặng Thị Tuyết Ph, Huỳnh Thị R1, Phạm Thị Q1, Huỳnh Thị G, Lê Ngọc R2, Tạ Thanh B1, Bùi Xuân Ph1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/12/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã U, huyện C, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã E, huyện R, tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Quang Bảo**